



HAGL Group



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Quý III năm 2015

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 46

Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.082.986.673	9.678.319.508
110	I. Tiền	4	2.079.011.827	978.413.817
111	1. Tiền		2.079.011.827	978.413.817
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.432.404.754	6.426.635.674
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.242.935.409	2.048.582.210
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.663.306.552	2.127.283.332
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.295.925.861	1.366.336.857
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.234.854.065	889.733.471
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.617.133)	(5.300.196)
140	III. Hàng tồn kho		3.448.073.565	2.084.905.558
141	1. Hàng tồn kho	9	3.448.073.565	2.084.905.558
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		123.496.527	188.364.459
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		10.502.281	47.264.148
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		23.409.226	44.408.079
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		7.493.667	14.908.992
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	82.091.353	81.783.240
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		34.520.892.053	26.640.949.422
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.403.406.382	6.729.891.525
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	8.875.753.454	6.311.592.294
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	527.652.928	418.299.231
220	II. Tài sản cố định		5.525.336.525	5.303.946.388
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.406.156.367	5.145.616.089
222	Nguyên giá		6.281.561.399	5.805.775.693
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(875.405.032)	(660.159.604)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	119.180.158	158.330.299
228	Nguyên giá		150.570.661	176.921.034
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(31.390.503)	(18.590.735)
230	III. Bất động sản đầu tư		65.704.949	147.263.493
231	1. Nguyên giá		66.830.038	148.013.552
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.125.089)	(750.059)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		17.663.712.814	12.582.295.018
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	17.663.712.814	12.582.295.018
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		338.020.749	500.435.332
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	262.062.600	463.677.182
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15	75.938.149	36.738.150
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000	20.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.524.710.634	1.377.117.666
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	1.155.302.887	1.054.603.703
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.2	145.096.021	148.861.210
269	3. Lợi thế thương mại		224.311.726	173.652.753
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		47.603.878.726	36.319.268.930

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		30.722.649.466	20.929.029.145
310	I. Nợ ngắn hạn		13.076.044.258	9.257.201.508
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	1.136.656.956	652.932.314
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	2.101.425.899	508.736.004
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	492.356.209	284.722.381
314	4. Phải trả người lao động		53.471.303	44.733.270
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	194.045.453	303.364.457
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	21	480.257.424	614.954.515
320	7. Vay ngắn hạn	22	8.598.120.897	6.839.582.567
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.710.117	8.176.000
330	II. Nợ dài hạn		17.646.605.208	11.671.827.637
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	598.492.385	169.773.513
338	2. Vay dài hạn	22	16.851.828.229	11.286.989.938
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.2	189.506.405	208.457.044
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		6.778.189	6.607.142
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	23	16.881.229.260	15.390.239.785
410	I. Vốn chủ sở hữu		16.881.229.260	15.390.239.785
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		488.318.762	670.143
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		276.903.170	249.756.283
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.765.189.929	2.549.229.495
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.604.369.815	1.103.806.023
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		1.160.820.114	1.445.423.472
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.912.745.785	1.152.512.250
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		47.603.878.726	36.319.268.930



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 12 tháng 11 năm 2015



Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2015

B02a-DN/HN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.168.087.987	777.347.951	5.203.831.236	2.401.068.754
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-	(35.528)	(904.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	2.168.087.987	777.347.951	5.203.795.708	2.400.164.754
11	4. Giá vốn hàng bán	25	(1.531.246.477)	(465.506.569)	(3.352.374.938)	(1.366.044.368)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		636.841.510	311.841.382	1.851.420.770	1.034.120.386
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	313.613.736	925.426.176	844.078.835	1.284.840.593
22	7. Chi phí tài chính	26	(357.887.051)	(134.915.712)	(853.921.337)	(450.034.913)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(290.502.191)	(144.836.666)	(749.817.224)	(398.783.336)
24	8. Lỗ trong công ty liên kết		(928.619)	-	(928.619)	-
25	9. Chi phí bán hàng		(47.598.471)	(28.263.993)	(84.073.411)	(69.343.046)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(72.149.932)	(47.027.147)	(237.140.355)	(156.924.465)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		471.891.173	1.027.060.706	1.519.435.883	1.642.658.555
31	12. Thu nhập khác	27	4.039.203	995.762	166.400.721	107.325.169
32	13. Chi phí khác	27	(4.244.778)	(37.925.690)	(173.276.583)	(56.354.272)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác	27	(205.575)	(36.929.928)	(6.875.862)	50.970.897

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

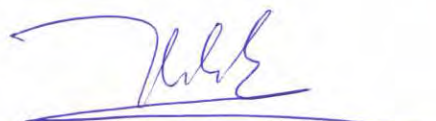
Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		471.685.598	990.130.778	1.512.560.021	1.693.629.452
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(38.130.575)	(20.441.346)	(185.199.830)	(50.924.777)
52	17. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	28.2	(4.067.106)	2.267.356	15.185.450	10.646.043
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		429.487.917	971.956.788	1.342.545.641	1.653.350.718
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		377.870.630	949.600.998	1.209.311.736	1.585.651.935
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		51.617.287	22.355.790	133.233.905	67.698.783
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)		474	1.201	1.510	2.006
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ)		457	1.138	1.447	1.925



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập

Ngày 12 tháng 11 năm 2015



Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2015


Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.512.560.021	1.693.629.452
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11,12	261.409.557	239.565.516
03	Các khoản dự phòng		(683.063)	8.756.149
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(932.799.742)	(1.361.179.102)
06	Chi phí lãi vay	26	749.817.224	398.783.336
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.590.303.997	979.555.351
09	Tăng các khoản phải thu		(552.969.260)	(724.185.697)
10	Tăng hàng tồn kho		(1.746.001.020)	(55.659.970)
11	Tăng các khoản phải trả		2.814.958.456	509.535.693
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		87.551.973	(201.970.415)
14	Tiền lãi vay đã trả		(829.145.685)	(453.017.687)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28.1	(73.324.189)	(77.189.514)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(19.781.185)	(15.613.222)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		1.271.593.087	(38.545.461)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(5.471.239.344)	(3.692.743.179)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		404.392.831	317.237.249
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(4.610.358.938)	(2.183.880.068)
24	Tiền thu hồi cho vay		2.661.309.261	1.332.340.268
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(914.418.662)	(306.784.063)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		257.890.600	1.320.344.958
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		212.149.014	343.771.441
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(7.460.275.238)	(2.869.713.394)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015


Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát		159.000.000	-
32	Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát		(2.200.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		10.864.450.845	7.823.606.915
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.731.970.684)	(5.076.835.855)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông không kiểm soát của công ty con		-	(9.039.663)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.289.280.161	2.737.731.397
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		1.100.598.010	(170.527.458)
60	Tiền đầu kỳ	4	978.413.817	2.448.256.022
70	Tiền cuối kỳ	4	2.079.011.827	2.277.728.564


 Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập


 Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng




 Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 11 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý III năm 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi bảy (27) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; phát triển căn hộ, trung tâm thương mại, cao ốc văn phòng để bán và cho thuê; xây dựng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, đường Trường Chinh, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký Chung.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý III năm 2015 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến ngày 30 tháng 9 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con được lập cho Quý III năm 2015.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Tập đoàn không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách (*Thuyết minh số 3.13*). Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán như một nghiệp vụ vốn.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Thay đổi chính sách kế toán (tiếp theo)

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (tiếp theo)

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Tập đoàn trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Tập đoàn cũng đã trình bày lại số liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như đã nêu tại Thuyết minh số 30.

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202") thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
- Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

Hàng tồn kho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	6 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

Khấu hao tài sản cố định đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCĐN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)
Năm thứ 1	2,50
Năm thứ 2	2,80
Năm thứ 3	3,50
Năm thứ 4	4,40
Năm thứ 5	4,80
Năm thứ 6	5,40
Năm thứ 7	5,40
Năm thứ 8	5,10
Năm thứ 9	5,10
Năm thứ 10	5,00
Năm thứ 11	7,00
Năm thứ 12	6,60
Năm thứ 13	6,20
Năm thứ 14	5,90
Năm thứ 15	5,50
Năm thứ 16	5,40
Năm thứ 17	5,00
Năm thứ 18	5,50
Năm thứ 19	5,20
Năm thứ 20	Giá trị còn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, văn phòng cho thuê, vườn cây, công trình thủy điện và khai thác mỏ của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu và vườn tiêu như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Công trình thủy điện

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công trình thủy điện như chi phí đền bù đất, khai hoang, xây dựng đập, đường truyền dẫn và chi phí liên quan khác.

Khai thác mỏ

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thăm dò khoáng sản như chi phí đền bù giải tỏa đất, chi phí khai hoang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí phát triển vườn mía, vườn bắp và chi phí trồng cỏ. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ và chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo, quảng cáo) và công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ Chi phí phát triển vườn mía, vườn bắp và chi phí trồng cỏ bao gồm chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trong trường hợp mua công ty con mà công ty con này không phải là doanh nghiệp kinh doanh thì giao dịch được xem là mua tài sản và khi đó những tài sản mua và các khoản nợ phải trả gánh chịu được xác định cụ thể và ghi nhận. Giá mua sẽ được phân bổ cho các tài sản và nợ phải trả được xác định cụ thể trên cơ sở giá trị hợp lý vào ngày mua. Các nghiệp vụ và giao dịch này không làm phát sinh lợi thế thương mại.

Nếu việc hợp nhất kinh doanh liên quan đến các công ty hoặc doanh nghiệp dưới dạng kiểm soát chung, phương pháp cộng giá trị sổ sách được áp dụng như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất được phản ánh theo giá trị ghi sổ;
- ▶ Không có lợi thế thương mại mới phát sinh từ việc hợp nhất;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh kết quả hoạt động của các doanh nghiệp hợp nhất cho cả kỳ kế toán, bất kể thời điểm phát sinh nghiệp vụ hợp nhất; và
- ▶ Các số liệu so sánh được trình bày như thể các doanh nghiệp đã được hợp nhất trước đây.

Hợp nhất kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận gộp trong giá trị khoản đầu tư và không thực hiện phân bổ khoản lợi thế thương mại này cho đến khi công ty liên kết trở thành công ty con. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh

Phần vốn góp của Tập đoàn trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bằng cách hạch toán:

- ▶ Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu và các công nợ mà Tập đoàn có nghĩa vụ thực hiện;
- ▶ Các khoản chi phí phát sinh cũng như phần thu nhập mà Tập đoàn được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các tổn thất nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Các khoản dự phòng

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần vốn chủ sở hữu và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.20 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (dựa trên tỷ suất sinh lợi của tài sản) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền gửi ngân hàng	1.953.844.439	960.013.445
Tiền mặt tại quỹ	125.167.388	18.391.341
Tiền đang chuyển	-	9.031
TỔNG CỘNG	<u>2.079.011.827</u>	<u>978.413.817</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	1.324.926.000	1.049.728.504
Phải thu từ hợp đồng xây dựng	867.276.970	471.528.265
Phải thu từ việc thanh lý các khoản đầu tư (i)	806.504.940	454.948.900
Phải thu từ bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư	211.526.655	-
Phải thu tiền bán căn hộ	32.700.844	72.376.541
TỔNG CỘNG	<u>3.242.935.409</u>	<u>2.048.582.210</u>

(i) Phải thu từ bán khoản đầu tư chủ yếu bao gồm các khoản phải thu liên quan đến việc bán vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình, Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai, Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai và Công ty Cổ phần Trồng rừng công nghiệp Gia Lai với số tiền lần lượt là 71.000.000 ngàn VNĐ, 294.841.300 ngàn VNĐ, 15.000.000 ngàn VNĐ và 425.663.640 ngàn VNĐ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng của Tập đoàn và mua máy móc, thiết bị	668.644.047	922.757.727
Trả trước cho thầu phụ cho hai dự án sân bay ở Lào	634.402.257	963.495.248
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	360.260.248	241.030.357
TỔNG CỘNG	1.663.306.552	2.127.283.332

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.058.903.336	1.027.238.437
Cho vay ngắn hạn nhân viên	237.022.525	311.609.432
Cho vay ngắn hạn chính phủ Lào - Làng vận động viên SEA Games	-	27.488.988
	1.295.925.861	1.366.336.857
Dài hạn		
Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	3.994.247.176	4.087.185.936
Cho vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác (ii)	4.136.623.367	1.756.311.740
Cho vay dài hạn Chính Phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	536.559.221	468.094.618
Cho vay dài hạn nhân viên	208.323.690	-
	8.875.753.454	6.311.592.294
TỔNG CỘNG	10.171.679.315	7.677.929.151

(i) Đây là khoản Công ty và các công ty con của Công ty cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013 ("Hợp đồng 1"), hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL - HAGL - ngày 17 tháng 7 năm 2014 ("Hợp đồng 2"), hợp đồng vay số 02/08/HĐV/AP/XNK - ngày 8 tháng 8 năm 2014 ("Hợp đồng 3") và hợp đồng vay số 01/15/HA-AP - ngày 7 tháng 4 năm 2015 ("Hợp đồng 4"), chi tiết như sau:

Hợp đồng 1 được bảo đảm bởi Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 1 tháng 10 năm 2013) và có lãi suất trong kỳ là 9,5%/năm (2014: 13%/năm). Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL-AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, cổ phần và vốn góp của An Phú trong các công ty con của An Phú sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

Hợp đồng 2 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 650 tỷ VNĐ và có lãi suất trong kỳ là 9,5%/năm (2014: 13%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

(i) Hợp đồng 3 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 300 tỷ VNĐ và có lãi suất trong kỳ là 12%/năm (2014: 12%/năm).

Hợp đồng 4 là hợp đồng tín chấp có hạn mức là 700 tỷ VNĐ không lãi suất.

(ii) Cho vay dài hạn các bên khác thể hiện khoản cho vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác với thời hạn đáo hạn từ tháng 10 năm 2016 đến tháng 8 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 10% đến 15,1%/năm.

(iii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai. Chi tiết như sau:

	Đô la Mỹ	
	9 tháng năm 2015	9 tháng năm 2014
Nợ gốc đầu kỳ	21.900.188	5.523.976
Tăng trong kỳ	2.000.000	16.376.212
Nợ gốc cuối kỳ	23.900.188	21.900.188
Nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)	536.559.221	462.820.603

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Lãi cho vay các tổ chức và cá nhân khác	801.317.152	499.560.600
Phải thu nhân viên	255.202.235	150.208.815
Phải thu hợp đồng uỷ thác (i)	108.541.348	68.932.500
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.081.924	56.560.937
Các khoản khác	68.711.406	114.470.619
	1.234.854.065	889.733.471
Dài hạn		
Đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") để phát triển các dự án (ii)	475.206.350	409.411.351
Ký quỹ, ký cược dài hạn	16.114.928	8.887.880
Phải thu dài hạn khác	36.331.650	-
	527.652.928	418.299.231
TỔNG CỘNG	1.762.506.993	1.308.032.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

8. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (i) Đây là khoản phải thu Ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, liên quan tới chi phí thuê mua một máy bay Embraer Legacy 600 (“Máy Bay”) với Công ty Cổ phần Hàng Không Lương Dụng Ngôi Sao Việt (“VSA”) theo hợp đồng Ủy thác Đầu tư ngày 8 tháng 10 năm 2014. Theo đó, Ông Đoàn Nguyên Đức sẽ trở thành chủ sở hữu chiếc máy bay và có quyền khai thác cũng như quyền sử dụng Máy Bay theo quy định pháp luật hiện hành. Số dư vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 thể hiện khoản tiền đặt cọc và chi phí thuê máy bay cho VSA.
- (ii) Số dư vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 thể hiện khoản đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh bao gồm:
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, công ty con hiện hữu, và Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Thuận Phát để phát triển dự án căn hộ trên khu đất 28.127 mét vuông ở Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, với số vốn góp là 189.857.250 ngàn VNĐ. Tập đoàn được hưởng 45% lợi ích từ dự án theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, dự án vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản.
 - Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Mia để đầu tư vào dự án trồng 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Rattanakiri, Campuchia theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 0103/2014/HAGL-ADM/HĐHTĐT ngày 1 tháng 3 năm 2014. Theo đó, Tập đoàn sẽ góp 88% tổng vốn đầu tư vào dự án. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, Tập đoàn đã góp số tiền là 261.254.100 ngàn VNĐ. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2015, dự án vẫn đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản.

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
		<i>Ngàn VNĐ</i>
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	683.889.696	813.467.945
Thành phẩm	70.586.967	130.834.310
Hàng hóa	7.168.397	5.217.701
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.202.744.072	610.217.068
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí nuôi bò thịt</i>	1.683.056.549	141.250.534
<i>Sản xuất</i>	402.469.971	365.384.652
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	116.245.066	102.920.168
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	972.486	661.714
Nguyên vật liệu	344.636.911	345.791.674
Vật liệu xây dựng	123.250.755	155.134.872
Công cụ, dụng cụ	15.796.767	24.241.988
TỔNG CỘNG	3.448.073.565	2.084.905.558

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 thể hiện giá trị tài sản ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho bên thứ ba. Thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo này.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Vật nuôi và cây trồng lâu năm	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.836.718.296	1.481.244.560	1.060.848.955	9.222.122	1.380.208.875	37.532.885	5.805.775.693
Tăng trong kỳ	262.539.845	155.186.892	133.658.198	1.354.532	259.160.947	18.684.753	830.585.167
<i>Mua sắm mới</i>	-	101.074.017	58.259.798	1.358.354	232.771.403	4.997.277	398.460.849
<i>Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang</i>	230.245.407	4.553.312	47.140.910	-	-	9.820.357	291.759.986
<i>Mua công ty con</i>	1.347.855	14.643.107	4.252.317	-	-	3.560.726	23.804.005
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	30.946.583	34.916.456	24.005.173	(3.822)	26.389.544	306.393	116.560.327
Giảm trong kỳ	(172.788.232)	(24.223.252)	(68.844.939)	(1.352.514)	(86.012.363)	(1.578.161)	(354.799.461)
<i>Thanh lý</i>	(147.417.838)	(23.156.275)	(14.020.877)	(1.277.944)	-	(1.578.161)	(187.451.095)
<i>Thanh lý công ty con</i>	(25.370.394)	(1.066.977)	(54.824.062)	(74.570)	(86.012.363)	-	(167.348.366)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2015	1.926.469.909	1.612.208.200	1.125.662.214	9.224.140	1.553.357.459	54.639.477	6.281.561.399
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	(216.325.272)	(253.374.608)	(133.866.833)	(5.148.738)	(41.397.282)	(10.046.871)	(660.159.604)
Tăng trong kỳ	(67.574.425)	(96.133.356)	(73.344.823)	(756.555)	(35.819.768)	(4.986.428)	(278.615.355)
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	(64.878.007)	(92.071.381)	(71.274.431)	(766.228)	(35.051.367)	(4.990.052)	(269.031.466)
<i>Mua công ty con</i>	-	-	(29.032)	-	-	-	(29.032)
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	(2.696.418)	(4.061.975)	(2.041.360)	9.673	(768.401)	3.624	(9.554.857)
Giảm trong kỳ	31.708.595	12.230.205	15.006.032	1.116.184	2.189.953	1.118.958	63.369.927
<i>Thanh lý</i>	24.905.687	11.602.360	6.836.166	1.041.614	-	1.118.958	45.504.785
<i>Thanh lý công ty con</i>	6.802.908	627.845	8.169.866	74.570	2.189.953	-	17.865.142
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2015	(252.191.102)	(337.277.759)	(192.205.624)	(4.789.109)	(75.027.097)	(13.914.341)	(875.405.032)
Giá trị còn lại							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	1.620.393.024	1.227.869.952	926.982.122	4.073.384	1.338.811.593	27.486.014	5.145.616.089
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2015	1.674.278.807	1.274.930.441	933.456.590	4.435.031	1.478.330.362	40.725.136	5.406.156.367

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	42.635.853	134.285.181	176.921.034
Tăng trong kỳ	10.638.060	-	10.638.060
<i>Mua sắm mới</i>	3.989.985	-	3.989.985
<i>Mua công ty con</i>	6.648.075	-	6.648.075
Giảm trong kỳ	(36.988.433)	-	(36.988.433)
<i>Thanh lý</i>	(36.988.433)	-	(36.988.433)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2015	<u>16.285.480</u>	<u>134.285.181</u>	<u>150.570.661</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	(175.922)	(18.414.813)	(18.590.735)
Khấu hao trong kỳ	(216.075)	(12.583.693)	(12.799.768)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2015	<u>(391.997)</u>	<u>(30.998.506)</u>	<u>(31.390.503)</u>
Giá trị còn lại			
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>42.459.931</u>	<u>115.870.368</u>	<u>158.330.299</u>
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2015	<u>15.893.483</u>	<u>103.286.675</u>	<u>119.180.158</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí trồng cây cao su và cây cọ dầu	7.723.498.453	6.469.345.041
Chi phí dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	4.878.001.318	2.717.217.940
Nhà máy thủy điện	2.848.910.377	1.667.380.438
Văn phòng cho thuê	793.334.270	793.161.542
Nhà xưởng và nhà văn phòng nông trường	626.185.160	336.387.148
Chi phí dự án bò	234.673.363	57.262.902
Chi phí trồng cây hồ tiêu	222.440.768	64.776.197
Thiết bị hạ tầng ngành khoáng sản	141.308.229	213.693.057
Các công trình khác	195.360.876	263.070.753
TỔNG CỘNG	<u>17.663.712.814</u>	<u>12.582.295.018</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

14.1. Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Ngày thành lập/ ngày mua	Tỷ lệ sở hữu (%)
Bất động sản				
(1) Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	4/6/2007	85,75
(2) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	Yangon, Myanmar	Trước hoạt động	21/2/2013	85,75
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Bangkok, Thái Lan	Đang hoạt động	2009	(i) 40,30
Thủy điện				
(4) Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	5/6/2007	95,58
(5) Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	18/7/2011	95,58
(6) Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	31/5/2013	95,58
Nông nghiệp				
(7) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/5/2010	85,95
(8) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	5/2/2013	85,95
(9) Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/1/2011	85,94
(10) Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	1/11/2011	85,94
(11) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	1/2/2007	84,03
(12) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	12/1/2007	84,03
(13) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	26/4/2015	85,09
(14) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Đang hoạt động	12/9/2007	85,54
(15) Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	Trước hoạt động	15/1/2010	85,48
(16) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Tỉnh Attapeu, Lào	Đang hoạt động	22/5/2008	85,95
(17) Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	17/2/2011	84,03
(18) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	16/7/2010	85,95

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

14.1. Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết về các công ty con tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau (tiếp theo):

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Ngày thành lập/ ngày mua</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
Nông nghiệp (tiếp theo)				
(19) Công ty TNHH Heng Brothers	Phnom Penh, Campuchia	Trước hoạt động	25/1/2010	85,95
(20) Công ty TNHH CRD	Phnom Penh, Campuchia	Trước hoạt động	15/12/2010	85,95
(21) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Rattanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	18/11/2009	85,95
Khai khoáng				
(22) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	8/12/2007	95,58
(23) Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Tỉnh Kontum, Việt Nam	Đang hoạt động	9/2/2010	95,58
(24) Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Tỉnh Attapeu, Lào	Trước hoạt động	15/10/2009	95,58
Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(25) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	12/1/2009	69,48
(26) Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	7/5/2008	99,00
(27) Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	6/1/2009	80,00
(28) Công ty TNHH V&H Corporation	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	27/3/2009	100,00
(29) Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	22/12/2009	55,12
(30) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viên chăn, Lào	Trước hoạt động	6/5/2010	100,00
(31) Công ty Cổ phần Quản lý Bất Động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Tp. Đà Nẵng, Việt Nam	Đang hoạt động	27/7/2012	94,50

(i) Tập đoàn nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát công ty này.

Tình trạng trước hoạt động là công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 9 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

14.2. Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 9 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	47,57	243.667.808	45,22	221.844.260
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (i)	Chăn nuôi	-	-	45,00	38.929.500
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	42,55	10.957.253	42,55	11.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn và thiết kế điện	25,00	7.437.539	25,00	7.870.422
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	-	-	30,00	183.183.000
TỔNG CỘNG			262.062.600		463.677.182

(i) Đã chuyển thành công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đầu tư vào các công ty khác	74.768.149	35.568.150
Các khoản đầu tư khác	1.170.000	1.170.000
TỔNG CỘNG	75.938.149	36.738.150

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí phát triển vườn mía	692.750.338	768.523.792
Công cụ, dụng cụ	132.399.272	132.005.958
Chi phí trồng cỏ	92.876.181	19.108.996
Tiền thuê đất	79.682.350	48.225.510
Chi phí vườn bắp	52.835.010	48.928.696
Chi phí thuê văn phòng	26.205.532	26.543.171
Chi phí bán căn hộ	3.285.423	2.109.947
Chi phí trả trước dài hạn khác	75.268.781	9.157.633
TỔNG CỘNG	1.155.302.887	1.054.603.703

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	345.627.414	187.107.204
Phải trả tiền mua quyền sử dụng đất dự án Khu phức hợp Hoàng Anh Gia Lai Myanmar	332.358.858	396.268.196
Phải trả nhà thầu xây dựng	283.883.989	45.389.623
Phải trả tiền mua máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	170.066.695	19.446.289
Các khoản khác	4.720.000	4.721.002
TỔNG CỘNG	1.136.656.956	652.932.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Khách hàng thương mại trả tiền trước	1.352.840.136	329.532.458
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	428.590.998	150.000.000
Tiền thanh toán của khách hàng mua căn hộ	319.994.765	29.203.546
TỔNG CỘNG	<u>2.101.425.899</u>	<u>508.736.004</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế giá trị gia tăng	343.268.889	252.321.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.1)	136.814.644	22.532.903
Thuế thu nhập cá nhân	3.654.444	2.822.157
Các khoản khác	8.618.232	7.045.721
TỔNG CỘNG	<u>492.356.209</u>	<u>284.722.381</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí lãi vay	189.580.688	271.766.262
Chi phí hoạt động	4.464.765	31.598.195
TỔNG CỘNG	<u>194.045.453</u>	<u>303.364.457</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN
 HOÀNG ANH GIA LAI
 (SIÊU MẠC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngắn hạn		
Phải trả các công ty khác	375.126.871	531.886.672
Phải trả tiền thuê đất	42.617.175	16.239.014
Phí bảo trì căn hộ	13.751.055	12.319.247
Phải trả nhân viên	10.952.017	1.283.500
Các khoản khác	37.810.306	53.226.082
	480.257.424	614.954.515
Dài hạn		
Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC")	205.741.000	-
Tiền thuê đất phải trả	173.681.258	166.433.291
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	142.976.213	3.340.222
Phải trả dài hạn các công ty khác	76.093.914	-
	598.492.385	169.773.513
TỔNG CỘNG	1.078.749.809	784.728.028

22. VAY

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.959.952.819	1.343.356.016
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	-
	5.189.952.819	2.443.356.016
Nợ vay dài hạn đến hạn trả trong vòng một năm	558.168.078	416.226.551
Nợ vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả	2.850.000.000	3.980.000.000
	8.598.120.897	6.839.582.567
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước	9.016.414.888	5.537.269.554
Vay dài hạn ngân hàng	7.777.112.856	5.690.843.270
Nợ dài hạn khác	58.300.485	58.877.114
	16.851.828.229	11.286.989.938
TỔNG CỘNG	25.449.949.126	18.126.572.505



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

Ngàn VNĐ

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Phụ trội hợp nhất công ty con	Tổng cộng
9 tháng năm 2014									
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	-	89.710.850	8.622.737	230.027.423	1.968.963.472	(170.661.078)	12.852.649.118
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	1.585.651.935	-	1.585.651.935
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	718.132.540	-	-	-	-	-	(718.132.540)	-	-
Thuế GTGT không được khấu trừ của phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	(5.360.000)	-	-	-	-	-	-	(5.360.000)
Thu hồi cổ phiếu ESOP làm cổ phiếu quỹ	-	-	(686.640)	-	-	-	-	-	(686.640)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	31.513.418	-	-	-	-	31.513.418
Phụ trội hợp nhất công ty con	-	-	-	-	-	-	-	87.724.264	87.724.264
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	-	-	(6.011.519)	-	(6.011.519)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	1.371.173	(1.371.173)	-	-
Trích lập quỹ phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(822.704)	-	(822.704)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2014	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	121.224.268	8.622.737	231.398.596	2.828.277.471	(82.936.814)	14.544.657.872

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Ngàn VNĐ						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
9 tháng năm 2015							
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	670.143	249.756.283	2.549.229.495	14.237.727.535
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	1.209.311.736	1.209.311.736
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	487.648.619	-	-	487.648.619
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	27.146.887	(27.146.887)	-
Trích lập quỹ phúc lợi	-	-	-	-	-	(16.288.132)	(16.288.132)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	-	(5.233.003)	(5.233.003)
Mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(944.683.280)	(944.683.280)
Số dư ngày 30 tháng 9 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	488.318.762	276.903.170	2.765.189.929	14.968.483.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664	68.664
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	789.899.283	789.899.283

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VNĐ			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần	2.168.087.987	777.347.951	5.203.831.236	2.401.068.754
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán bỏ</i>	1.378.743.698	-	2.145.190.861	-
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	237.868.990	90.526.014	475.699.737	203.137.529
<i>Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường</i>	233.343.709	180.985.773	717.266.638	968.985.693
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	145.368.190	208.443.642	882.354.783	498.092.945
<i>Doanh thu căn hộ</i>	69.580.456	58.442.576	147.830.562	179.083.461
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	49.229.658	64.446.799	179.093.302	161.560.032
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	30.222.770	72.704.048	135.620.993	144.307.463
<i>Doanh thu bán bắp</i>	23.730.516	87.704.427	305.832.542	201.517.319
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	-	-	214.941.818	-
<i>Doanh thu khoáng sản</i>	-	14.094.672	-	44.384.312
Các khoản giảm trừ	-	-	(35.528)	(904.000)
Hàng bán trả lại	-	-	(35.528)	(904.000)
Doanh thu thuần	2.168.087.987	777.347.951	5.203.795.708	2.400.164.754
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán bỏ</i>	1.378.743.698	-	2.145.190.861	-
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	237.868.990	90.526.014	475.664.209	202.233.529
<i>Doanh thu từ các sản phẩm ngành đường</i>	233.343.709	180.985.773	717.266.638	968.985.693
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	145.368.190	208.443.642	882.354.783	498.092.945
<i>Doanh thu căn hộ</i>	69.580.456	58.442.576	147.830.562	179.083.461
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	49.229.658	64.446.799	179.093.302	161.560.032
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	30.222.770	72.704.048	135.620.993	144.307.463
<i>Doanh thu bán bắp</i>	23.730.516	87.704.427	305.832.542	201.517.319
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	-	-	214.941.818	-
<i>Doanh thu khoáng sản</i>	-	14.094.672	-	44.384.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

24. DOANH THU (tiếp theo)

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngàn VNĐ			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay các công ty khác	243.782.429	153.752.777	598.291.906	463.720.453
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	62.999.764	5.481.597	200.965.613	26.955.607
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.716.595	14.017.668	14.664.995	38.610.853
Cổ tức	114.948	135.942	230.423	245.918
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	-	751.863.623	29.925.898	755.097.129
Các khoản khác	-	174.569	-	210.633
TỔNG CỘNG	313.613.736	925.426.176	844.078.835	1.284.840.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Ngàn VNĐ			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán bỏ	985.072.594	-	1.462.358.998	-
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	194.019.855	69.852.415	417.050.266	157.180.761
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	138.230.901	89.896.307	396.540.779	439.024.693
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	82.761.229	118.892.575	496.592.129	294.047.510
Giá vốn căn hộ	57.912.329	46.427.266	120.784.693	143.243.109
Giá vốn dịch vụ cung cấp	35.986.521	50.117.863	146.083.427	138.798.095
Giá vốn bán mũ cao su	23.983.260	31.677.914	97.710.165	60.376.437
Giá vốn bán bắp	13.279.788	33.161.097	134.070.967	75.072.328
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	-	81.183.514	-
Giá vốn khoáng sản	-	25.481.132	-	58.301.435
TỔNG CỘNG	1.531.246.477	465.506.569	3.352.374.938	1.366.044.368

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ			
	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng và trái phiếu	290.502.191	144.836.666	749.817.224	398.783.336
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	56.066.655	13.451.603	78.464.711	23.922.063
Lỗ thanh lý khoản đầu tư	-	626.405	-	626.405
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn khác	-	(30.785.150)	-	-
Các khoản khác	11.318.205	6.786.188	25.639.402	26.703.109
TỔNG CỘNG	357.887.051	134.915.712	853.921.337	450.034.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ			
	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	4.039.203	995.762	166.400.721	107.325.169
Lãi thanh lý tài sản	752.844	-	155.928.216	99.616.253
Các khoản bồi thường	2.639.398	-	2.639.398	-
Các khoản khác	646.961	995.762	7.833.107	7.708.916
Chi phí khác	(4.244.778)	(37.925.690)	(173.276.583)	(56.354.272)
Các khoản phạt	(296.570)	(5.680.671)	(9.985.864)	(6.609.953)
Khấu hao tài sản cố định ngừng sử dụng	(246.724)	(160.721)	(1.762.077)	(6.578.100)
Chi phí thanh lý ngành Thủy điện	(223.220)	-	(14.899.927)	-
Chi phí thanh lý ngành Khoáng sản	-	-	(100.745.261)	-
Các khoản khác	(3.478.264)	(32.084.298)	(45.883.454)	(43.166.219)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(205.575)	(36.929.928)	(6.875.862)	50.970.897

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Tập đoàn tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất lần lượt là 24% và 20% trên thu nhập chịu thuế. Các công ty con này cũng được hưởng miễn giảm TNDN theo các giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của các công ty thuộc Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>9 tháng năm 2015</i>	<i>9 tháng năm 2014</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	185.199.830	50.924.777
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(15.185.450)	(10.646.043)
TỔNG CỘNG	170.014.380	40.278.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Thuế TNDN hiện hành

	9 tháng năm 2015	Ngân VND 9 tháng năm 2014
Lợi nhuận trước thuế	1.512.560.021	1.693.629.452
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán trước thuế		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí của các hoạt động thuộc diện miễn thuế	2.391.131.322	1.030.170.637
Các khoản lỗ của các công ty con	182.765.165	173.803.999
Biến động lợi nhuận nội bộ chịu thuế chưa thực hiện	164.078.516	12.971.862
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	38.948.796	24.321.252
Chi phí trích trước chưa được khấu trừ	1.339.649	-
Lỗ trong công ty liên kết	928.619	-
Các khoản khác	18.054.957	40.785.067
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Doanh thu của các hoạt động thuộc diện miễn thuế	(3.311.746.550)	(1.749.726.140)
Chi phí lãi vay được khấu trừ ở các công ty nhưng được vốn hóa khi lập báo cáo tài chính hợp nhất	(138.942.495)	(152.074.043)
Thặng dư từ việc thanh lý công ty con	(29.888.251)	(82.277.921)
Chi phí trích trước năm trước khấu trừ trong kỳ này	(2.487.395)	-
Thu nhập cổ tức	(230.423)	(245.919)
Thu nhập từ chuyển nhượng một phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	-	(750.221.494)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ kỳ trước	826.511.931	241.136.752
Lỗ các năm trước chuyển sang	(9.077.105)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	817.434.826	241.136.752
Thuế TNDN hiện hành ước tính	176.873.207	53.050.085
Trích bổ sung (thừa) thuế TNDN cho các năm trước	8.326.623	(2.125.308)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	185.199.830	50.924.777
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	22.532.903	41.272.980
Thuế TNDN phải thu của các công ty con đã thanh lý	3.764.232	-
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	1.120.268	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(73.324.189)	(77.189.514)
Phân loại lại	(2.478.400)	223.971
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	136.814.644	15.232.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Ghi nợ (có) trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>
<i>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</i>			
Các khoản lỗ tính thuế được chuyển sang các kỳ sau của các công ty con	91.325.909	110.825.458	19.499.549
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	53.770.112	38.035.752	(15.734.360)
	145.096.021	148.861.210	
<i>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</i>			
Thu nhập từ chuyển nhượng một phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	149.141.319	164.055.450	(14.914.131)
Thu nhập từ việc chuyển nhượng một phần sở hữu trong Công ty cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	40.365.086	44.401.594	(4.036.508)
	189.506.405	208.457.044	
<i>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>			(15.185.450)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay Cung cấp dịch vụ	283.431.827 268.579
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Thuê máy móc thiết bị Mua công cụ dụng cụ Cung cấp dịch vụ Lãi cho vay	35.428.800 27.901.577 398.186 153.503
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	21.498.750
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Tư vấn thiết kế Cung cấp dịch vụ	3.592.875 586.537
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1.585.248
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1.253.685
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	269.728
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	165.126
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	117.339
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	9.849

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số dư</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>			
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.711.475
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.340.938
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ	1.201.890
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	645.191
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	127.842
TỔNG CỘNG			<u>5.027.336</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số dư</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Công ty liên kết	Ứng trước phí tư vấn thiết kế	16.366.393
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Ứng trước cho hợp đồng xây dựng	272.900
TỔNG CỘNG			<u>16.639.293</u>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho vay	26.190.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Cho vay	13.433.052
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý BĐS Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	500.000
TỔNG CỘNG			<u>40.123.052</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi cho vay	505.188.501
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	105.984.375
		Chi phí trả hộ	2.440.389
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Lãi cho vay	18.417.533
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Chi phí trả hộ	12.624.059
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Lãi cho vay	1.122.789
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Lãi cho vay	153.503
TỔNG CỘNG			<u>645.931.149</u>

10/10/2015
 AL
 KH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ Số dư</i>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Cho vay	3.994.247.176
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Cho vay	221.000.000
Công ty TNHH TM&DV Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Cho vay	107.600.000
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cho vay	25.239.334
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Công ty liên quan	Cho vay	9.676.101
TỔNG CỘNG			<u>4.357.762.611</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hoá	28.060
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>			
Công ty TNHH TMDV Minh Tuấn	Công ty liên quan	Thu hộ	3.513.248
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Mê Kông	Công ty liên quan	Thu hộ	1.070.818
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	818.650
TỔNG CỘNG			<u>5.402.716</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Quý III năm 2015

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này. Chi tiết như sau

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Ngàn VNĐ		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN	10.112.492.524	(434.173.016)	9.678.319.508
Đầu tư ngắn hạn	81.783.240	(81.783.240)	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.593.633.310	454.948.900	2.048.582.210
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.196.215.832	(68.932.500)	2.127.283.332
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	1.366.336.857	1.366.336.857
Phải thu ngắn hạn khác	2.885.632.734	(1.995.899.263)	889.733.471
Tài sản ngắn hạn khác	190.627.010	(108.843.770)	81.783.240
TÀI SẢN DÀI HẠN	26.256.371.220	384.578.202	26.640.949.422
Phải thu về cho vay dài hạn	-	6.311.592.294	6.311.592.294
Phải thu dài hạn khác	5.381.835.672	(4.963.536.441)	418.299.231
Nguyên giá – Bất động sản đầu tư	15.001.180	133.012.372	148.013.552
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.074.765.479	(1.038.027.329)	36.738.150
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	20.000	20.000
Chi phí trả trước dài hạn	1.104.198.517	(49.594.814)	1.054.603.703
Tài sản dài hạn khác	8.887.880	(8.887.880)	-
NỢ PHẢI TRẢ	20.978.623.959	(49.594.814)	20.929.029.145
Phải trả dài hạn khác	176.380.655	(6.607.142)	169.773.513
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11.336.584.752	(49.594.814)	11.286.989.938
Dự phòng phải trả dài hạn	-	6.607.142	6.607.142
VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.237.727.535	1.152.512.250	15.390.239.785
Quỹ đầu tư, phát triển	8.622.737	241.133.546	249.756.283
Quỹ dự phòng tài chính	241.133.546	(241.133.546)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.696.254.404	(147.024.909)	2.549.229.495
Phụ trội hợp nhất công ty con	(147.024.909)	147.024.909	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	1.152.512.250	1.152.512.250
LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	1.152.512.250	(1.152.512.250)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 Quý III năm 2015

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

	Ngàn VNĐ		
	9 tháng năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	9 tháng năm 2014 (được trình bày lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.401.337.175	(268.421)	2.401.068.754
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.172.421)	268.421	(904.000)
Chi phí lãi vay	(387.064.438)	(11.718.898)	(398.783.336)
Thu nhập khác	327.000.286	(219.675.117)	107.325.169
Chi phí khác	(276.029.389)	219.675.117	(56.354.272)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ

	Ngàn VNĐ		
	9 tháng năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	9 tháng năm 2014 (được trình bày lại)
Chi phí lãi vay	374.804.886	23.978.450	398.783.336
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	955.576.901	23.978.450	979.555.351
Tăng chi phí trả trước	(177.991.965)	(23.978.450)	(201.970.415)

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

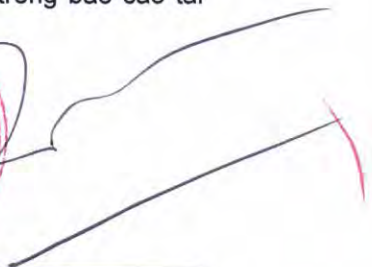
Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập



Hồ Thị Kim Chi
 Kế toán trưởng

Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 11 năm 2015